TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 -6- 2019
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Mùi
Bà Nguyễn Hà Quế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mỹ Liên-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị Bích T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: số 965/4, ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: **Ông Mã P (Ma Sonny P)**, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 208 P Ave #2 P RI 0209 U.S.A.

(Bà Vũ Thị Bích T có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.; Ông Mã P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 27/4/2017 và tại bản tự khai nguyễn đơn bà Vũ Thị Bích T trình bày:

Qua mai mối vào tháng 9/2003 bà quen biết ông Mã P (Ma Sonny P), sau một thời gian tìm hiểu và quen biết nhau, bà và ông Mã P (Ma Sonny P) đã đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 934/UBT quyển số 3/2004 ngày 23/7/2004. Sau khi kết hôn ông Mã P (Ma Sonny P) trở về Mỹ, thời gian đầu giữa bà và Mã P (Ma Sonny Phuong) vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và thư từ. Tuy nhiên do không tin tưởng nhau nên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Từ 10/2005 bà và Mã P (Ma Sonny P) không còn liên lạc với nhau và ông Mã P (Ma Sonny P). Do thời gian xa cách đã lâu tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai giải quyết được ly hôn với ông Mã P (Ma Sonny P).

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Do bị đơn ông Mã P (Ma Sonny P) không có mặt tại Việt Nam và cũng không cung cấp lời khai nên Tòa án không có lời trình bày của bị đơn.

- ***Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai***:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự . Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự , bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà Vũ Thị Bích T và ông Mã P (Ma Sonny P) được UBND tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn là hợp pháp. Sauk hi kết hôn ông Mã P (Ma Sonny P) trở về Mỹ, thời gian đầu hai bên vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và thư từ. Nhưng do không tin tưởng nhau nên hai bên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Từ tháng 10/2005 bà T và ông Mã P (Ma Sonny P) chính thức mất liên lạc, ông Mã P (Ma Sonny P) không về Việt Nam cho đến nay. Bà T không còn tình cảm với ông Mã P (Ma Sonny P), mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị cho bà Tuyền được ly hôn với ông Mã Phương (Ma Sonny Phuong). Về con chung, tài sản chung, nợ chung bà T khai không có và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn không có ý kiến trình bày nên không đặt ra xem xét. Bà T phải nộp 300.000đ án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm bà T nộp đơn xin ly hôn, ông Mã P (Ma Sonny P) đang sống tại Mỹ (Hoa Kỳ) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Mã P (Ma Sonny P) đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bằng hình thức gửi qua đường dịch vụ bưu chính nhiều lần đồng thời tiến hành yêu cầu thông báo thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ và thủ tục thông báo đã Đại sứ quán Việt Nam tại Mỹ (Hoa Kỳ) đã có công văn gửi về Tòa án thông báo việc thực hiện đăng tin trên cổng thông tin điện tử theo luật định nhưng ông Mã P (Ma Sonny P) không có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Mã P (Ma Sonny P).

[3] Về nội dung: Bà Vũ Thị Bích T kết hôn với ông Mã P (Ma Sonny P) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 934/UBT quyển số 3/2004 ngày 23/7/2004 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông Mã P (Ma Sonny P) trở về Mỹ. Thời gian đầu giữa bà T và Mã P (Ma Sonny P) vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại và thư từ. Tuy nhiên do không tin tưởng nhau nên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã nhau. Từ 10/2005 bà T và Mã P (Ma Sonny P) không còn liên lạc với nhau với nhau. Do thời gian xa cách đã lâu tình cảm không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được. Bà T xin được ly hôn ông Mã P (Ma Sonny P) là có căn cứ. Nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[4] Về con chung: Bà Tuyền trình bày không có, không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng ông Mã P (Ma Sonny P) không có lời khai nên không xem xét giải quyết, giành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí: Bà Vũ Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009941 ngày 27/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 469, Điều 470, Điều 474, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 123, Điều 124 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Bích T. Bà Vũ Thị Bích T được ly hôn với ông Mã P (Ma Sonny P).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

Về án phí: Bà Vũ Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 009941 ngày 27/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Bà Vũ Thị Bích T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông Mã P (Ma Sonny P) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đồng Nai;
-Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
-Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
-Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai.
-Các đương sự (2)
- Lưu (5)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu Vân **Hồ Thị Sự** **Phạm Thị Xuân Đào**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Xuân Đào

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Đồng Nai, ngày tháng 5 năm 2017.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …..giờ…..phút, ngày…..tháng….năm

Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai – Hội trường C

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Thanh Hà**

Các hội thẩm nhân dân:

Bà

Bà

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số **34**/HNGĐ-ST ngày 07/4/2017.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc Quyên.
- Bị đơn: Ông Vũ Vũ Đức.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trang tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi kết thúc việc xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành Nghị án các vấn đề như sau:

- Về thủ tục: HTND1 : Bị đơn đã được tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn.

Ý kiến HTND2 và Chủ tọa: Nhất trí.

Biểu quyết nhất trí 3/3 xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến HTND1 : Khai hai bên sau khi kết hôn đi du lịch sảy ra tranh cãi, ông Vũ Vũ Đức quay trở lại Hoa Kỳ, hai bên chưa sống chung với nhau, càng ngày bà Quyên và ông Đức càng phát sinh mâu thuẫn và dần dần cắt liên lạc với nhau không mong muốn được đoàn tụ, như vậy mục đích kết hôn của bà Quyên và ông Đức không đạt được, nay bà Quyên ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Ý kiến HTND2 và Chủ tọa: Nhất trí.

Biểu quyết nhất trí 3/3: Cho Bà Quyên được ly hôn với ông Đức.

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ý kiến HTND1 : Bà Quyên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ý kiến HTND 2 và Chủ tọa: Nhất trí

Biểu quyết 3/3: Bà Quyên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000đ.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 27, 34, 131,200, 202, 410, 411 Bộ luật tố tụng dân sự.
Căn cứ Điều 89, 91 và Điều 104 Luật hôn nhân gia đình.
Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Ngọc Quyên với ông Vũ Vũ Đức về việc "Xin ly hôn".

Bà Nguyễn Ngọc Quyên được ly hôn với ông Vũ Vũ Đức

Con chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc Quyên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí Bà Quyên đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009908 ngày 28/3/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí bà Quyên phải chịu.

Án xử sơ thẩm công khai, Quyên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đức vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Biên bản lập xong hồi giờ phút cùng ngày, được thông qua tại phòng nghị án, các thành viên nhất trí ký tên.

Các thành viên **Thẩm Phán – Chủ Tọa**